



yán zhòng
严重

Adjective · serious

Example Sentences

zhè ge wèn tí hěn yán zhòng
这个问题很严重。

This problem is very serious.

zhè cì shì gù zào chéng le yán zhòng de jiāo tōng dǔ sè
这次事故造成了严重的交通堵塞。

This accident caused serious traffic congestion.

nǐ jué de chí dào de wèn tí yǒu nà me yán zhòng ma
你觉得迟到的问题有那么严重吗？

Do you think the problem of being late is that serious?

Trace each character, then write the word on your own.

严	严	严	严	严	严	严	严	严	严
重	重	重	重	重	重	重	重	重	重
重									